

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt¹:

Tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật được đánh giá theo tiêu chí “đạt/ không đạt”. Nhà thầu “đạt” tất cả các nội dung dưới đây thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và được đánh giá tiếp ở bước sau, nhà thầu “không đạt” một trong các nội dung dưới đây thì được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu và sẽ bị loại.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng, thiết bị thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.1. Yêu cầu chất lượng vật liệu xây dựng	Đáp ứng các yêu cầu tại Mục III. Chương V. Yêu cầu kỹ thuật	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên Có thuyết minh và tài liệu minh chứng phù hợp	Không đạt
1.2. Tính khả thi của các nguồn cung ứng vật liệu: - Nhà thầu trình bày thuyết minh trữ lượng của của các mỏ khai thác vật liệu dự kiến cung cấp cho công trình. Trữ lượng khai thác phải có tính khả thi cho việc thi công liên tục của toàn bộ gói thầu. Trường hợp trữ lượng cung cấp không đủ cho gói thầu, nhà thầu phải có thuyết minh các yếu tố dự phòng khác đảm bảo khả thi, hiệu quả. - Nhà thầu thuyết minh cụ thể vận chuyển từ các mỏ vật liệu đến chân công trình để làm cơ sở tính toán, xây dựng đơn giá dự thầu. Các nguồn vật liệu không có tính khả thi sẽ không được xem xét	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên	Không đạt
1.3. Điều kiện năng lực hoạt động thí nghiệm	- Nhà thầu kèm theo tài liệu chứng minh đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng hoặc trường hợp đi thuê phải có hợp đồng nguyên tắc và đơn vị cho thuê phải có giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng. - Có cam kết lắp đặt phòng thí nghiệm tại công trình trong suốt thời gian thực hiện gói thầu.	Đạt
	Không đáp ứng các yêu cầu nêu trên	Không đạt

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1.4. Yêu cầu đối với thiết bị thi công công trình	Nhà thầu cam kết các thiết bị thi công công trình đã được chứng nhận kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường chuyên dùng trong khai thác sử dụng còn hiệu lực (nội dung cam kết bằng văn bản riêng, có chữ ký, đóng dấu hợp pháp theo quy định)	Đạt
	Không có cam kết hoặc cam kết không đáp ứng	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

2. Giải pháp kỹ thuật, tổ chức thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
2.1. Tổ chức mặt bằng công trình:		
2.1.1. Tổ chức mặt bằng công trình: Nhà thầu phải bố trí mặt bằng để thi công gói thầu, phải đưa ra biện pháp tổ chức thi công phù hợp để thi công các hạng mục công trình, bao gồm: - Mặt bằng bố trí công trường, thiết bị thi công, kho bãi tập kết vật liệu, đường tạm thi công. - Bố trí rào chắn, biển báo...; - Giải pháp đảm bảo cấp điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công. - Giải pháp PCCC	- Có bản vẽ bố trí đầy đủ các nội dung theo yêu cầu, phù hợp với điều kiện biện pháp thi công, tiến độ thi công; - Bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công phải phù hợp với hiện trạng công trình, phù hợp với các mũi thi công và phù hợp công nghệ thi công nhà thầu đề xuất trong phần thuyết minh	Đạt
	Mặt bằng tổ chức thi công không hợp lý, không phù hợp với công nghệ thi công nhà thầu đề xuất, không thể hiện hiện trạng khu vực dự kiến bố trí, không phù hợp với biểu đồ tiến độ thi công hoặc bản vẽ mặt bằng tổ chức thi công không thể hiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu.	Không đạt
2.1.2. Công tác tiếp nhận mặt bằng và bố trí phương án tổng thể thi công	Có trình bày thuyết minh Công tác tiếp nhận mặt bằng và bố trí tổng thể phương án triển khai thi công; Có sơ đồ các mũi thi công; Sơ đồ bố trí các bãi tập kết vật liệu.	Đạt
	Không có thuyết minh hoặc có nhưng không đầy đủ hoặc sơ sài.	Không đạt
2.2. Thi công xây dựng các hạng mục phần đường giao thông		
2.2.1. Thi công xây dựng: Công tác thi công đào nền đường (bao gồm: Nền, đào bạt mái	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù	Đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
taluy dương, đắp taluy âm...).	hợp với thuyết minh.	
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.2.2. Thi công xây dựng: Công tác thi công lớp móng cấp phối đá dăm mặt đường.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.2.3. Thi công xây dựng: Công tác thi công mặt đường bê tông nhựa chặt BTNC C12,5 dày 7cm (kèm tưới nhựa thấm bảm TCN 1 lít/m ²).	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.2.4. Thi công xây dựng: Công tác thi công bó vỉa BTXM đá 1x2 M250, bó lề BT M150 KT(20x30) cm và vỉa hè đất đầm chặt K $\geq$ 95.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.2.5. Thi công xây dựng: Công tác thi công công trình thoát nước (cống ngang BTLT D100cm; cống dọc BTLT D600 Hvh; hồ ga BTCT, đà kiềng, tấm đan, cửa thu nước).	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.2.6. Thi công xây dựng: Công tác thi công biển báo, sơn kẻ vạch ATGT theo QCVN 41:2024/BGTVT.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.3. Thi công xây dựng các hạng mục phần công thoát nước tròn BTLT.		
2.3.1. Thi công xây dựng: Định vị + Đào hố móng.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
2.3.2. Thi công xây dựng: Công tác lắp đặt ống cống BTLT D100 (ngang) và BTLT D600 (dọc), đắp cát thân cống đối xứng K $\geq$ 95.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	không đủ các yêu cầu trên.	
2.3.3. Thi công xây dựng: Công tác thi công tường đầu, tường cánh, sân công.	- Có thuyết minh biện pháp thi công hợp lý. - Có bản vẽ biện pháp thi công phù hợp với thuyết minh.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

3. Tiến độ thi công:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
3.1. Thời gian thi công	Đề xuất thời gian thi công không vượt quá 180 ngày có tính đến yếu tố thời tiết khu vực Tây Nguyên (mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 11) và các yếu tố khách quan khác.	Đạt
	Đề xuất về thời gian thi công vượt quá 180 ngày	Không đạt
3.3.2. Biểu đồ tiến độ thi công.	Có biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không có biểu đồ tiến độ thi công hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của EHSMT.	Không đạt
3.3.3. Biểu đồ bố trí công nhân.	Có biểu đồ bố trí công nhân hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thi công, đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
	Không có biểu đồ bố trí công nhân hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công hoặc đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Không đạt
	Có biểu đồ huy động vật tư, vật liệu hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thi công, đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt
3.3.4. Biểu đồ huy động vật tư, vật liệu.	Không có biểu đồ huy động vật tư, vật liệu hoặc có nhưng không hợp lý,	Không đạt

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
	không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công hoặc đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	
3.3.5. Biểu đồ huy động máy móc, thiết bị.	Có biểu đồ huy động máy móc thiết bị hợp lý, khả thi, phù hợp với tiến độ thi công, đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT Không có biểu đồ huy động máy móc thiết bị hoặc có nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với tiến độ thi công hoặc đề xuất kỹ thuật hoặc không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Đạt Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên. Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Đạt Không đạt

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
4.1. Sơ đồ quản lý chất lượng và bộ phận quản lý chất lượng.	- Có sơ đồ quản lý chất lượng rõ ràng, hợp lý. - Có thuyết minh quyền hạn và nghĩa vụ của bộ phận quản lý chất lượng rõ ràng.	Đạt
	Không trình bày đầy đủ, không hợp lý hoặc không nêu.	Không đạt
3.4.2. Hệ thống chất lượng kiểm tra thí nghiệm vật tư vật liệu đầu vào tại hiện trường.	- Trường hợp nhà thầu có phòng thí nghiệm được công nhận (LAS-XD) thì phải cung cấp bản sao được chứng thực quyết định công nhận của cơ quan có thẩm quyền còn hiệu lực. - Trường hợp nhà thầu ký kết với đơn vị thí nghiệm khác thì phải cung cấp bản sao được chứng thực: Hợp đồng nguyên tắc; Quyết định công nhận LAS-XD còn hiệu lực của đơn vị ký kết.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu như trên.	Không đạt
3.4.3. Biện pháp bảo đảm chất lượng vật tư và thiết bị để phục vụ công tác thi công bao gồm: Quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và máy móc thiết bị thi công.	Có quy trình và các biện pháp quản lý chất lượng vật tư, vật liệu và máy móc thiết bị thi công đầy đủ và hợp lý, khả thi và phù hợp với biện pháp thi công.	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu như trên.	Không đạt
3.4.4. Biện pháp bảo quản vật	Có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết	Đạt

liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão.	bị, công trình khi mưa bão hợp lý, khả thi phù hợp với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	
	Không có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão hoặc có biện pháp bảo quản vật liệu, thiết bị, công trình khi mưa bão nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với giải pháp kỹ thuật cũng như đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Không đạt
3.4.5 Đảm bảo an toàn, chất lượng đối với các công trình hiện hữu, công trình lân cận: Nhà thầu có cam kết trong quá trình thi công không làm thay đổi hiện trạng các công trình hiện hữu, các công trình lân cận; không làm ảnh hưởng, thay đổi kết cấu các công trình hạ tầng xung quanh. Trường hợp trong quá trình thi công làm thay đổi hiện trạng hư hỏng các công trình hiện hữu, các công trình lân cận, làm thay đổi kết cấu các công trình hạ tầng xung quanh, gây lún nứt, sụp nhà dân thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm xử lý khắc phục bằng chi phí của nhà thầu.	Có cam kết đầy đủ các nội dung theo yêu cầu (nội dung cam kết bằng văn bản riêng, có chữ ký, đóng dấu hợp pháp theo quy định).	Đạt
	Không cam kết hoặc cam kết không đáp ứng theo yêu cầu.	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

5. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường và Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công xây dựng:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
5.1. An toàn lao động		
Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công.	Đạt
	Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
5.2. Phòng cháy, chữa cháy		

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Đạt
	Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công	Không đạt
5.3. Vệ sinh môi trường		
Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường bao gồm các nội dung sau: - Tiếng ồn. - Bụi và khói. - Rung. - Kiểm soát nước thải. - Kiểm soát rác thải, vệ sinh.	Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, rõ ràng và đầy đủ các nội dung như yêu cầu.	Đạt
	Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không rõ ràng hoặc không đầy đủ các nội dung như yêu cầu.	Không đạt
5.4. Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công xây dựng		
Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công xây dựng	Trình bày đầy đủ các nội dung theo phụ lục tiêu chuẩn đánh giá Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công xây dựng (đính kèm)	Đạt
	Không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

6. Bảo hành công trình:

Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
6.1 Bảo hành		
Thời gian bảo hành công trình	Theo Luật Xây dựng và đáp ứng yêu cầu của HSMT.	Đạt
	Không cam kết thời gian bảo hành hoặc có nhưng không đáp ứng yêu cầu	Không đạt
Kết luận	Đáp ứng tất cả các yêu cầu trên.	Đạt
	Không đáp ứng hoặc đáp ứng không đủ các yêu cầu trên.	Không đạt

(Ghi chú: Nhà thầu chịu trách nhiệm với tính chuẩn xác, đầy đủ của các tài liệu thuộc mục tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật. Các tài liệu nhà thầu cung cấp không đầy đủ, rõ ràng theo yêu cầu của HSMT sẽ xem như không đáp ứng và hồ sơ của nhà

thầu bị loại. Nội dung này Chủ đầu tư không làm rõ, bổ sung trong quá trình đánh giá).

PHỤ LỤC

TIÊU CHUẨN CHUẨN ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU ĐỐI VỚI PHẦN BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG XÂY DỰNG

1. Căn cứ xây dựng tiêu chuẩn

- Luật Đường bộ số 35/2024/QH15.
- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.
- QCVN 41:2024/BGTVT về báo hiệu đường bộ.
- Hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công công trình Đường Lý Thường Kiệt (đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai đến đường Phạm Ngọc Thạch), xã Đắk Tô, tỉnh Quảng Ngãi; hạng mục nền, mặt đường, công trình thoát nước và các hạng mục khác.

2. Yêu cầu nhà thầu phải nộp trong E-HSDT

STT	Tài liệu phải nộp	Nội dung tối thiểu phải thể hiện	Đánh giá
1	Thuyết minh biện pháp bảo đảm ATGT đường bộ trong quá trình thi công	Mô tả đầy đủ biện pháp phân làn, phân luồng, báo hiệu tạm, rào chắn, đèn cảnh báo, người điều tiết, bảo vệ hố đào/cống/rãnh, tổ chức thi công theo giai đoạn, bảo đảm lối đi dân sinh, an toàn điện, PCCC, ứng phó sự cố, hoàn trả mặt đường và vệ sinh môi trường.	Đạt / Không đạt
2	Bộ bản vẽ biện pháp bảo đảm ATGT đường bộ	Gồm tối thiểu: tổng mặt bằng tổ chức giao thông toàn tuyến; mặt bằng từng giai đoạn hoặc đoạn thi công điển hình; mặt cắt ngang tổ chức giao thông; chi tiết rào chắn – biển báo – đèn cảnh báo – vị trí trục chốt; chi tiết tại các vị trí xung yếu và nút giao/đường dân sinh/cống.	Đạt / Không đạt
3	Tiến độ hoặc sơ đồ phân đoạn thi công gắn với tổ chức giao thông	Thể hiện thời gian, phạm vi chiếm dụng mặt đường, thời gian phân làn/phân luồng, giải pháp thi công ban ngày/ban đêm và giải pháp khi mưa hoặc lưu lượng tăng cao.	Đạt / Không đạt
4	Bảng tổng hợp phương tiện, thiết bị và nhân sự phục vụ bảo đảm giao	Nêu tối thiểu số lượng/loại biển báo tạm, rào chắn, cọc tiêu/chóp nón, đèn chóp vàng, đèn chiếu sáng, bộ đàm, người hướng dẫn giao thông, cán bộ an toàn; kèm nguyên tắc huy	Đạt / Không đạt

	thông	động và thay thế khi hư hỏng.	
--	-------	-------------------------------	--

Nhà thầu phải nộp thuyết minh và bộ bản vẽ biện pháp bảo đảm an toàn giao thông đường bộ trong quá trình thi công công trình phù hợp với Luật Đường bộ, Nghị định số 165/2024/NĐ-CP, QCVN 41:2024/BGTVT và phù hợp với hồ sơ thiết kế công trình. Nội dung biện pháp phải thể hiện rõ phương án duy trì giao thông, phân làn, phân luồng, hệ thống báo hiệu tạm, rào chắn, đèn cảnh báo, người điều tiết, biện pháp bảo vệ vị trí nguy hiểm, biện pháp bảo đảm lối đi dân sinh, an toàn điện, phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố và hoàn trả hiện trạng sau thi công. Hồ sơ của nhà thầu được đánh giá theo tiêu chí đạt/không đạt. Nhà thầu chỉ được đánh giá đạt khi phần thuyết minh và phần bản vẽ đều đáp ứng đầy đủ các tiêu chí tối thiểu do E-HSMT quy định. Trường hợp chỉ cam kết chung chung, không gắn với lý trình, hạng mục, hiện trạng cụ thể của công trình hoặc không thể hiện bản vẽ chi tiết tổ chức giao thông thì bị đánh giá không đạt

3. Tiêu chuẩn đánh giá phần thuyết minh biện pháp bảo đảm ATGT đường bộ

Nguyên tắc chung: Nội dung thuyết minh phải bám đúng hiện trạng và hạng mục của tuyến Lý Thường Kiệt; không chấp nhận hồ sơ trình bày chung chung, sao chép quy định nhưng không chỉ ra phạm vi áp dụng cụ thể cho gói thầu này.

STT	Tiêu chí	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá ĐẠT	Kết quả
1	Nhận diện đặc điểm tuyến và phạm vi ảnh hưởng giao thông	Nhà thầu phải nêu rõ tuyến dài 383 m, bề rộng mặt đường Bm = 6,0 m, bề rộng nền đường Bn = 12,0 m (3+6+3), vỉa hè 2 x 3,0 m, tốc độ thiết kế Vtk = 30 km/h; là đường đô thị trong khu vực trung tâm xã Đắk Tô; điểm đầu giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai, điểm cuối giáp đường Phạm Ngọc Thạch; nhận diện đầy đủ các vị trí giao với đường dân sinh, vị trí cống ngang BTLT D100, các vị trí cống dọc và hố ga, vị trí tập trung hộ dân và các nguy cơ xung đột giao thông trong suốt quá trình thi công.	Đạt / Không đạt
2	Phương án duy trì giao thông thông suốt, an toàn	Có phương án thi công theo giai đoạn hoặc cuốn chiếu; xác định rõ phần đường vẫn cho lưu thông trong từng giai đoạn; bảo đảm luôn có lối đi an toàn cho người và phương tiện, kể cả tại các đoạn đào khuôn đường, thi công rãnh và thi công cống.	Đạt / Không đạt
3	Phân làn, phân luồng và thời gian tổ chức giao thông	Nêu rõ nguyên tắc phân làn theo từng chiều, trường hợp phân luồng sang tuyến/đường khác (nếu có), thời gian áp dụng, thời gian thi công trong ngày, thời gian hạn chế giao thông và phương án khôi phục lưu thông khi kết thúc ca thi công.	Đạt / Không đạt
4	Báo hiệu tạm, rào	Xác định rõ loại báo hiệu tạm sẽ sử dụng, vị trí	Đạt /

	chắn, đèn cảnh báo và trực chốt	bố trí, cự ly cảnh báo, nguyên tắc lắp đặt theo QCVN 41:2024/BGTVT; có giải pháp bổ sung công trình ATGT, đèn cảnh báo ban đêm và bố trí trực chốt/người điều tiết tại vị trí cần thiết.	Không đạt
5	Biện pháp bảo vệ vị trí nguy hiểm và công trình hiện hữu	Có biện pháp riêng cho hố đào, mép đường thi công, rãnh dọc, cống ngang, cống dọc, vật liệu tập kết, máy móc đỗ chờ; có che chắn, biển cảnh báo, chiếu sáng và giới hạn phạm vi tiếp cận; nêu rõ biện pháp bảo vệ công trình hiện hữu và biện pháp hoàn trả khi xong việc.	Đạt / Không đạt
6	Bảo đảm tiếp cận dân sinh và đường đi sản xuất	Nêu rõ biện pháp duy trì lối ra vào nhà dân, đường đi sản xuất và vị trí giao cắt trong suốt quá trình thi công; không làm gián đoạn kéo dài việc đi lại của người dân; có giải pháp tạm thời khi thi công tại vị trí cống, rãnh hoặc đoạn bó hẹp mặt đường.	Đạt / Không đạt
7	Tổ chức nhân sự, thiết bị và kiểm soát hiện trường	Có phân công cán bộ an toàn, người hướng dẫn giao thông, ca trực; nêu yêu cầu trang bị còi, cờ, phù hiệu/bảo hộ; máy móc thi công có thiết bị cảnh báo; xe máy thi công ngoài giờ phải tập kết an toàn hoặc đỗ đúng quy định và có báo hiệu.	Đạt / Không đạt
8	An toàn điện, phòng cháy chữa cháy và ứng phó sự cố	Có biện pháp an toàn điện, phân tách lưới điện động lực – chiếu sáng, cầu dao tổng/phân đoạn, hướng dẫn sơ cứu điện giật; có phương án PCCC, trang bị chữa cháy cục bộ, biển cấm lửa; có kịch bản xử lý ùn tắc, tai nạn, mưa lớn, hư hỏng thiết bị thi công và sự cố mất ATGT.	Đạt / Không đạt
9	Môi trường, vệ sinh công trường và hoàn trả	Có giải pháp chống bụi, thu gom vật liệu rơi vãi, vệ sinh mặt đường, xử lý nước đọng trong khuôn đường, thu gom phế thải, hoàn trả hiện trạng phần đường và ATGT tạm sau khi hoàn thành thi công.	Đạt / Không đạt
10	Cam kết thủ tục pháp lý và phối hợp với cơ quan liên quan	Nhà thầu phải cam kết tuân thủ Luật Đường bộ, Nghị định 165/2024/NĐ-CP, QCVN 41:2024/BGTVT; thực hiện đầy đủ thủ tục chấp thuận/giấy phép thi công trên đường bộ đang khai thác và phối hợp với chủ đầu tư, tư vấn giám sát, chính quyền địa phương, cơ quan quản lý đường bộ và lực lượng chức năng theo phân cấp quản lý thực tế của tuyến.	Đạt / Không đạt

4. Tiêu chuẩn đánh giá phần bản vẽ biện pháp bảo đảm ATGT đường bộ

Yêu cầu chung: bản vẽ phải đọc được, có tỷ lệ phù hợp, có ký hiệu – chú giải – lý trình, thể hiện thống nhất với thuyết minh và tiến độ.

STT	Tiêu chí bản vẽ	Mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá ĐẠT	Kết quả
1	Tổng mặt bằng tổ chức giao thông toàn tuyến	Thể hiện phạm vi công trường, chiều dài tuyến, hướng lưu thông hiện hữu, đoạn thi công, đoạn chuyển tiếp, vị trí biển báo/rào chắn/đèn cảnh báo/chốt trực, đường đi dân sinh, đường đi sản xuất và vị trí tập kết thiết bị – vật liệu ngoài phạm vi nguy hiểm.	Đạt / Không đạt
2	Mặt bằng tổ chức giao thông theo giai đoạn hoặc theo đoạn thi công điển hình	Mỗi giai đoạn phải thể hiện rõ phần đường còn lại cho giao thông, hướng đi của phương tiện, kích thước phần lưu thông tối thiểu, vị trí đóng/mở công trường, vị trí quay đầu hoặc điều tiết khi thi công cuốn chiếu.	Đạt / Không đạt
3	Mặt cắt ngang tổ chức giao thông	Thể hiện bề rộng phần đường thi công, bề rộng phần đường cho lưu thông, vị trí rào chắn, khoảng cách an toàn đến hố đào/rãnh/cống/vật liệu, vị trí người điều tiết nếu có, và giải pháp chiếu sáng/cảnh báo ban đêm.	Đạt / Không đạt
4	Chi tiết tại các vị trí xung yếu	Bắt buộc có bản vẽ chi tiết hoặc phóng to tại tối thiểu các vị trí: điểm đầu tuyến giáp đường Nguyễn Thị Minh Khai; điểm cuối tuyến giáp đường Phạm Ngọc Thạch; vị trí cống ngang BTLT D100; các vị trí hố ga cống dọc dọc hai bên tuyến; các vị trí lối ra vào hộ dân hai bên tuyến; các vị trí giao với đường dân sinh; các vị trí thi công bó vỉa, vỉa hè có nguy cơ xung đột giao thông.	Đạt / Không đạt
5	Chi tiết báo hiệu tạm, rào chắn, đèn cảnh báo	Có ký hiệu, kích thước, số lượng, hướng đặt và nguyên tắc bố trí báo hiệu tạm; có chú giải rõ ràng cho rào chắn cứng/mềm, cọc tiêu/chóp nón, đèn chóp vàng, biển công trường, biển hạn chế tốc độ hoặc biển cảnh báo từ xa; thể hiện biện pháp nhìn thấy được vào ban đêm.	Đạt / Không đạt
6	Bảng tổng hợp bố trí và khối lượng thiết bị bảo đảm giao thông	Có bảng tổng hợp tối thiểu các mục: biển báo tạm, rào chắn, đèn cảnh báo, cọc tiêu/chóp nón, biển thông tin công trường, vị trí trực chốt, ca trực và đoạn áp dụng.	Đạt / Không đạt
7	Tính thống nhất giữa bản vẽ – thuyết minh – tiến độ	Lý trình, phạm vi chiếm dụng mặt đường, số lượng thiết bị ATGT tạm, thời gian áp dụng, vị trí xung yếu và biện pháp hoàn trả phải thống nhất giữa bản vẽ và thuyết minh; không chấp nhận bản vẽ chỉ có hình minh họa chung,	Đạt / Không đạt

		không có lý trình và không gắn với gói thầu.	
--	--	--	--

5. Nguyên tắc xác định ĐẠT / KHÔNG ĐẠT

- Nhà thầu được đánh giá ĐẠT đối với phần bảo đảm an toàn giao thông đường bộ khi đáp ứng đầy đủ tất cả các tiêu chí nêu trên.

- Một tiêu chí bị đánh giá KHÔNG ĐẠT thì phần bảo đảm an toàn giao thông đường bộ của nhà thầu bị đánh giá KHÔNG ĐẠT.

- Không chấp nhận việc chỉ nêu cam kết chung hoặc sao chép nội dung quy định pháp luật mà không chuyển hóa thành biện pháp cụ thể, bản vẽ cụ thể, lý trình cụ thể cho tuyến Lý Thường Kiệt.

- Không chấp nhận thuyết minh và bản vẽ không thể hiện giải pháp bảo đảm giao thông trong suốt quá trình thi công, hoặc không có giải pháp cho ban đêm, mưa và tình huống sự cố.

6. Các trường hợp đánh giá KHÔNG ĐẠT ngay

- Không nộp thuyết minh biện pháp bảo đảm ATGT đường bộ hoặc không nộp bộ bản vẽ tương ứng.

- Không xác định được phương án duy trì giao thông an toàn qua khu vực thi công trong từng giai đoạn.

- Không thể hiện phân làn, phân luồng, báo hiệu tạm, rào chắn và người điều tiết tại các vị trí cần thiết.

- Không có bản vẽ chi tiết hoặc giải pháp riêng cho các vị trí xung yếu của gói thầu.

- Không có biện pháp bảo đảm lối đi cho người dân, đường đi sản xuất và các điểm giao cắt hiện hữu.

- Không có biện pháp an toàn điện, PCCC, xử lý sự cố ùn tắc/tai nạn hoặc vệ sinh môi trường công trường.

- Thuyết minh và bản vẽ mâu thuẫn nhau về phạm vi thi công, lý trình, số lượng thiết bị ATGT tạm hoặc thời gian tổ chức giao thông.